TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 242/2022/QĐST –HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2022/TLST – HN&GĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1983

HKTT: TDP Vàng, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân N , sinh năm 1981

HKTT: TDP Chùa, phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 110, 116, 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân N .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Đều nhất trí thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: cháu Nguyễn Trọng Bình, sinh ngày 26/01/2015. Chị H , anh N thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng

con chung như sau: Giao con chung, cháu Nguyễn Trọng B , sinh ngày 26/01/2015, cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh N tự nguyện thoả thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H đối với cháu B mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng: Chị H , anh N thoả thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp anh Nam chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng tại giai đoạn thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh Nam được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

2.3. Tài sản chung: Chị H , anh N xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra việc giải quyết.

2.4. Các khoản nợ chung, cho vay chung: Chị H , anh N xác định vợ chồng không có nợ chung, khoản cho vay chung nên không đặt ra việc giải quyết.

2.5 Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân N thống nhất thoả thuận, chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị H được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001292 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND phường Nam Tiến;
(cơ quan đăng ký kết hôn;
Số GCN: 12/2014);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà